

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 183/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2026

V/v “ly hôn giữa chị Hiệp
và anh quang”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực

2. Ông Bùi Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 04-9-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 về “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1980.

Căn cước công dân: 034180007612.

Bị đơn: Anh Hà Đức Q, sinh năm 1979.

Căn cước công dân: 034079008960.

Đều ở địa chỉ: thôn K (nay là thôn Q), xã D, tỉnh Hưng Yên.

(chị H và anh Q đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai các ngày 05/6/2026 và ngày 20/8/2026 người khởi kiện chị Ngô Thị H trình bày: chị kết hôn với anh Q là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã D, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 02/8/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 8 - Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Hà Ngọc L, sinh năm 2000 và Hà Anh D, sinh ngày 18/10/2009. Hiện nay cháu L đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị tôn trọng quan điểm của cháu D, cháu xin ở với chị thì chị xin nuôi dưỡng cháu, chị xin nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/8/2026 bị đơn anh Hà Đức Q trình bày: về điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh không nhất trí ly hôn với chị H. Anh muốn chị H rút đơn để vợ chồng sống ly thân nhau, nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Hà Ngọc L, sinh năm 2000 và Hà Anh D, sinh ngày 18/10/2009. Hiện nay cháu L đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu D, anh xin nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của cháu Hà Anh D: Nếu bố, mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu D xin được ở với bố Q.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa chị H và anh Q; về con chung: giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Q, trú tại thôn Q, xã D, tỉnh Hưng Yên; Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên. Chị H và anh Q đều có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị H, anh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã D, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 02/8/1998, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi cọ nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay. Chị H xin ly hôn anh

Q, anh Q không nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị H và anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Ngọc L, sinh năm 2000 và Hà Anh D, sinh ngày 18/10/2009. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị H tôn trọng quan điểm của cháu D, anh Q xin được nuôi cháu D và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, chị H và anh Q đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con, cháu D có nguyện vọng xin được ở với anh Q. Vì vậy, cần giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: cho ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Hà Đức Q.

2. *Về con chung*: Cháu Hà Ngọc L, sinh năm 2000 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết. Giao cho anh Q trực tiếp nuôi cháu Hà Anh D, sinh ngày 18/10/2009, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003017 ngày 05-6-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

5. *Về quyền kháng cáo*: chị H, anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Diên Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhàn

